

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2021

(Điều chỉnh ngày 26/7/2021)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. TÊN TRƯỜNG, SỨ MỆNH, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ VÀ ĐỊA CHỈ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Tên trường: HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Sứ mệnh: Học viện Ngoại giao với hơn 60 năm truyền thống phát triển vững vàng, là cơ sở hàng đầu trong cả nước có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu chiến lược, nghiên cứu chuyên sâu phục vụ công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước.

(1) Về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng cán bộ: Học viện Ngoại giao là cơ sở đào tạo luôn đi đầu trong việc đổi mới mục tiêu, phương pháp, nội dung đào tạo theo định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước. Cho đến năm 2021, Học viện đã tuyển sinh 11 khoá Nghiên cứu sinh Quan hệ quốc tế (QHQT), 04 khóa Nghiên cứu sinh Luật quốc tế (LQT), 21 khoá Cao học QHQT, 09 khóa Cao học LQT, 07 khóa Cao học Kinh tế quốc tế (KTQT), 47 khoá Đại học chính quy, 05 Khoá Cao đẳng và 23 khoá Trung cấp[†]. Học viện đã ký kết chương trình hợp tác đào tạo thạc sĩ và cử nhân QHQT với Trường Đại học Lyon III của Pháp và Trường Đại học Victoria Wellington của New Zealand. Các giảng viên và cán bộ nghiên cứu của Học viện đồng thời là các nhà ngoại giao với nhiều kinh nghiệm thực tế. Nhiều giảng viên đã từng là Trưởng các cơ quan đại diện của Việt Nam tại các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Đội ngũ giảng viên của Học viện phần lớn được đào tạo đại học và sau đại học tại các trường đại học hàng đầu thế giới và có thể giảng dạy trực tiếp các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Trung Quốc. Ngoài ra, Học viện còn có một mạng lưới các chuyên gia cao cấp trong nước và quốc tế thường xuyên giảng dạy và nói chuyện chuyên đề với sinh viên. Bên cạnh đó, Học viện được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong ngành ngoại giao và cán bộ làm công tác đối ngoại của các Bộ, Ngành, địa phương.

(2) Về nghiên cứu chiến lược, nghiên cứu chuyên sâu phục vụ công tác đối ngoại và

* Chi tiết tại Bảng tóm tắt - trang 33 của Đề án tuyển sinh đã điều chỉnh.

[†] Hiện nay, Học viện đã dừng đào tạo hệ Cao đẳng và Trung cấp.

hội nhập quốc tế toàn diện của đất nước: Học viện Ngoại giao là đơn vị nòng cốt thực hiện công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược của Bộ Ngoại giao. Học viện có chức năng nghiên cứu khoa học về QHQT và quản lý chương trình nghiên cứu khoa học của Bộ Ngoại giao. Cho đến nay, Học viện đã hoàn thành hàng trăm công trình khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở; tổ chức thành công nhiều cuộc hội thảo trong nước và quốc tế. Học viện là thành viên của nhiều viện nghiên cứu như: Viện nghiên cứu chiến lược và quốc tế ASEAN-ISIS, Hội đồng Hợp tác An ninh châu Á - Thái Bình Dương (CSCAP), Điều phối viên của Việt Nam trong Mạng lưới nghiên cứu xung đột ở Đông Nam Á; có quan hệ hợp tác với hơn 80 Viện nghiên cứu và trường đại học nước ngoài; có quan hệ với nhiều Đại sứ quán nước ngoài và tổ chức quốc tế tại Hà Nội.

Với vai trò là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo về QHQT ở Việt Nam, Học viện Ngoại giao đóng vai trò tham mưu quan trọng cho Lãnh đạo Bộ Ngoại giao trong việc hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Học viện Ngoại giao là thành viên tích cực trong Ban nội dung của các Hội nghị quốc tế được tổ chức tại Việt Nam như Hội nghị Thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp, Hội nghị cấp cao APEC, Hội nghị cấp cao ASEAN, Hội nghị ASEM...

Từ năm 1994 đến nay, Học viện Ngoại giao liên tục được Bộ Ngoại giao công nhận là đơn vị xuất sắc trong Ngành và được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương như: Huân chương Lao động hạng Nhất (1994), Huân chương Độc lập hạng Ba (1999), Huân chương Độc lập hạng Nhì (2004), Huân chương Hồ Chí Minh (2009), Huân chương Độc lập hạng Nhất (2019). Bên cạnh đó, Học viện đã được tặng thưởng nhiều Bằng khen và Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, các Bộ, Ngành, thành phố Hà Nội và các tổ chức Đảng và Đoàn cấp trên.

Địa chỉ trụ sở: Học viện Ngoại giao, số 69, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội; Hotline: 0943.482.840; Fax: (84-24) 3834 3543; Email: tuyensinhvng@dav.edu.vn.

Địa chỉ website: <https://www.dav.edu.vn>.

2. QUY MÔ ĐÀO TẠO CHÍNH QUY ĐẾN NGÀY 31/12/2020 (NGƯỜI HỌC)

STT	Phương thức, Trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo		Tổng
		Khối ngành III	Khối ngành VII	
1	Sau đại học			383
1.1	Tiến sĩ			56
1.1.1	Ngành Quan hệ quốc tế		51	51

1.1.2	Ngành Luật quốc tế	05		5
1.2	Thạc sĩ			327
1.2.1	Ngành Quan hệ quốc tế		187	187
1.2.2	Ngành Luật quốc tế	80		80
1.2.3	Ngành Kinh tế quốc tế		60	60
2	Đại học chính quy			2210
2.1	Ngành Quan hệ quốc tế		521	521
2.2	Ngành Luật quốc tế	376		376
2.3	Ngành Kinh tế quốc tế		451	451
2.4	Ngành Truyền thông quốc tế		464	464
2.5	Ngành Ngôn ngữ Anh		398	398

3. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH CHÍNH QUY CỦA 02 NĂM GẦN NHẤT

3.1. Phương thức tuyển sinh của 02 năm gần nhất

- Tuyển sinh trong cả nước.
- Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia / Tốt nghiệp THPT để xét tuyển.
- Năm 2020, Học viện bổ sung thêm phương thức xét tuyển kết hợp Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và Kết quả học tập THPT.
- Đối với các ngành Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế và Truyền thông quốc tế, các môn nhân hệ số 1. Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, điểm môn tiếng Anh nhân hệ số 2, các môn còn lại nhân hệ số 1.
- Thông tin về các ngành và chỉ tiêu tuyển sinh 02 năm 2019, 2020:

Ký hiệu trường	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Tổng chỉ tiêu	
				2019	2020
HQT	Các ngành đào tạo Đại học			450	500
	Ngành Quan hệ quốc tế	7310206	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh hoặc D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh hoặc D03: Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp hoặc D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung Quốc (năm 2020)	90	100
	Ngành Kinh tế quốc tế	7310106	A00: Toán, Vật lí, Hóa học hoặc A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh hoặc D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	90	100

Ký hiệu trường	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Tổng chỉ tiêu	
				2019	2020
HQT	Các ngành đào tạo Đại học			450	500
	Ngành Luật quốc tế	7380108	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh hoặc D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	90	100
	Ngành Truyền thông quốc tế	7320107	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh hoặc D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh hoặc D03: Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp hoặc D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung Quốc (năm 2020)	90	100
	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (nhân hệ số 2)	90	100

3.2. Điểm trúng tuyển của 02 năm gần nhất

Khối ngành/ Ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Năm 2019			Năm 2020			
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển*	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
						Theo Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT*	Theo phương thức kết hợp†
Khối ngành III							
- Ngành Luật quốc tế	90	86		100	107		
Tổ hợp A01		32	23.95		35	26.0	26.7
Tổ hợp D01		54	23.95		72	26.0	26.7
Khối ngành VII							
- Ngành Quan hệ quốc tế	90	93		100	127		
Tổ hợp A01		27	25.1		31	26.6	27.55
Tổ hợp D01		65	25.1		81	26.6	27.55
Tổ hợp D03		1	25.1		10	25.6	26.1
Tổ hợp D04					5	25.6	26.08
- Ngành Kinh tế quốc tế	90	104		100	106		
Tổ hợp A00		17	24.85		33	26.7	27.32
Tổ hợp A01		38	24.85		31	26.7	27.32

* Điểm trúng tuyển lấy từ kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia (năm 2019) và Kỳ thi Tốt nghiệp THPT (năm 2020).

† Điểm trúng tuyển theo phương thức kết hợp Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và kết quả học tập THPT.

Khối ngành/ Ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Năm 2019			Năm 2020			
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển*	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
						Theo Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT*	Theo phương thức kết hợp†
Tổ hợp D01		49	24.85		42	26.7	27.32
- Ngành Truyền thông quốc tế	90	98		100	135		
Tổ hợp A01		20	25.2		37	27.0	27.43
Tổ hợp D01		72	25.2		77	27.0	27.43
Tổ hợp D03		6	25.2		18	26.0	26.2
Tổ hợp D04					3	26.0	26.13
- Ngành Ngôn ngữ Anh	90	92		100	100		
Tổ hợp D01		92	33.25		100	34.75	35.1
Tổng	450			500			

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: **10.650 m²**.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: **840 m² (21 phòng)**.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường*:

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	987
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	02	970
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	12	1224
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	21	1071,5
1.5	Số phòng học đa phương tiện	10	1202
1.6	Phòng làm việc của GS, PGS, GV cơ hữu	77	3707
2	Thư viện, trung tâm học liệu	08	873

* Điều chỉnh ngày 26/7/2021.

3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15	1500
---	---	----	------

1.2. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

STT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành III	5.162
2	Khối ngành VII	49.717

1.3. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy (chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

STT	Khối ngành	Mã ngành	GS.TS	PGS.TS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Tổng
1	Môn chung				1	16	17
2	Khối ngành III						
2.1	Luật quốc tế	7380108		2	3	12	17
3	Khối ngành VII						
3.1	Quan hệ quốc tế	7310206	2	8	22	07	39
3.2	Kinh tế quốc tế	7310106		3	1	14	18
3.3	Truyền thông quốc tế	7320407		2	5	14	21
3.4	Kinh doanh quốc tế	7340120			3	17	20
3.5	Ngôn ngữ Anh	7220201		1	5	21	27

1.4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy (chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

STT	Khối ngành	Mã ngành	GS.TS	PGS.TS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Tổng
1	Môn chung			3	9	3	15
2	Khối ngành III			2	13	10	25
3	Khối ngành VII		1	3	9	9	22

III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021

1. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Tất cả thí sinh tính tới thời điểm xác định trúng tuyển đã tốt nghiệp THPT, bao gồm

các thí sinh đã tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và nước ngoài đáp ứng các điều kiện trong Đề án tuyển sinh năm 2021 của Học viện.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành, không vi phạm pháp luật.

2. PHẠM VI TUYỂN SINH: Tuyển sinh trong cả nước.

3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Học viện Ngoại giao xét tuyển vào hệ đại học chính quy năm 2021 theo các phương thức xét tuyển sau:

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (*mục 7.1 của Đề án tuyển sinh*).

- Xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh riêng của Học viện (*mục 7.2 của Đề án tuyển sinh*).

- Xét tuyển: theo 04 phương thức:

➤ Xét tuyển kết hợp Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế (*mục 7.3.1 của Đề án tuyển sinh*).

➤ Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập THPT (*mục 7.3.2 của Đề án tuyển sinh*).

➤ Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập THPT, Chứng chỉ quốc tế và Phòng vấn đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam; hoặc có thời gian học tập ở nước ngoài và ở Việt Nam, tốt nghiệp chương trình THPT ở Việt Nam (*mục 7.3.3 của Đề án tuyển sinh*).

➤ Xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (*mục 7.3.4 của Đề án tuyển sinh*).

4. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

- Mỗi phương thức xét tuyển có chỉ tiêu riêng. Trong trường hợp một phương thức xét tuyển không hết chỉ tiêu thì số lượng chỉ tiêu còn lại được chuyển sang các phương thức khác. Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển theo các phương thức khác nhau nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định.

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp.

- Thí sinh được xét bình đẳng, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển. Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo thông báo của Học viện. Quá thời gian này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học. Trong trường hợp số lượng thí sinh xác nhận nhập học theo yêu cầu của Học viện chưa hết chỉ

tiêu, Học viện sẽ tổ chức xét tuyển bổ sung đối với các thí sinh có nguyện vọng và đủ điều kiện.

5. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

Trong số thí sinh trúng tuyển, Học viện Ngoại giao sẽ xét các sinh viên có nguyện vọng và năng lực vào học Chương trình đào tạo Chất lượng cao các ngành: Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Kinh tế quốc tế, Truyền thông quốc tế, Ngôn ngữ Anh và Kinh doanh quốc tế. Trong đó, ngành Kinh doanh quốc tế chỉ đào tạo chương trình Chất lượng cao.

6. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐÃ ĐIỀU CHỈNH

6.1. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

STT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7310206	Quan hệ quốc tế	07/QĐ	17/06/1959	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1959	2020
2	7310106	Kinh tế quốc tế	3679/QĐ-BGDĐT	12/07/2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2020
3	7380108	Luật quốc tế	6980/QĐ-BGDĐT	05/11/2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2020
4	7320107	Truyền thông quốc tế	8098/QĐ-BGDĐT	10/11/2009	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	2020
5	7340120	Kinh doanh quốc tế*	168/QĐ-HVNG	30/03/2021	Trường tự chủ quyết định	2021	
6	7220201	Ngôn ngữ Anh	705/QĐ-BGD&ĐT	15/02/2006	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	2020

6.2. Chỉ tiêu tuyển sinh đã điều chỉnh đối với từng ngành, theo từng phương thức tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy

- Tổng chỉ tiêu hệ Đại học Chính quy: 1550.

- Chỉ tiêu cụ thể của từng ngành:

- Ngành Quan hệ quốc tế : 400 (*Chương trình Tiêu chuẩn và Chất lượng cao*)
- Ngành Kinh tế quốc tế : 250 (*Chương trình Tiêu chuẩn và Chất lượng cao*)
- Ngành Truyền thông quốc tế : 400 (*Chương trình Tiêu chuẩn và Chất lượng cao*)
- Ngành Luật quốc tế : 200 (*Chương trình Tiêu chuẩn và Chất lượng cao*)
- Ngành Kinh doanh quốc tế : 100 (*Chương trình Chất lượng cao*)
- Ngành Ngôn ngữ Anh : 200 (*Chương trình Tiêu chuẩn và Chất lượng cao*)

* Đối với ngành Kinh doanh quốc tế, Học viện chỉ đào tạo theo chương trình Chất lượng cao.

- Chỉ tiêu đã điều chỉnh của từng ngành theo các phương thức xét tuyển:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu							Tổ hợp môn xét tuyển					
			Tổng chỉ tiêu	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT và của HV (mục 7.1)	Xét tuyển thẳng theo Đề án riêng của HV (mục 7.2)	Xét tuyển				A00	A01	C00	D01	D03	D04
						Dựa trên kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế (mục 7.3.1)	Dựa trên kết quả học tập THPT (mục 7.3.2)	Dựa trên kết quả học tập THPT, Chứng chỉ quốc tế và Phỏng vấn (mục 7.3.3)	Dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021 (mục 7.3.4)						
1	7310206	Quan hệ quốc tế (Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)	400	17	173	64	34	7	105	X	X	X	X	X	X
2	7310106	Kinh tế quốc tế (Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)	250	10	113	41	22	4	60	X	X		X		
3	7380108	Luật quốc tế (Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)	200	9	86	32	17	3	53	X	X	X	X		
4	7320107	Truyền thông quốc tế (Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)	400	17	173	64	34	7	105	X	X	X	X	X	X
5	7340120	Kinh doanh quốc tế (Chương trình CLC)	100	5	40	15	8	2	30	X	X		X		
6	7220201	Ngôn ngữ Anh (Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)	200	9	86	32	17	3	53				X		

7. NGƯỠNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO, ĐIỀU KIỆN NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN, TỔ CHỨC TUYỂN SINH

- Mỗi phương thức xét tuyển có ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào riêng. Cụ thể như sau:

- Đối với các thí sinh ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (*tại mục 7.1 của Đề án tuyển sinh*); xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh riêng của Học viện (*tại mục 7.2 của Đề án tuyển sinh*); xét tuyển theo phương thức kết hợp Kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế (*tại mục 7.3.1 của Đề án tuyển sinh*) và xét tuyển Kết quả học tập THPT (*tại mục 7.3.2 của Đề án tuyển sinh*): Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định dựa trên tổng điểm của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (*dự kiến là 18 điểm bao gồm cả điểm ưu tiên*).
- Đối với các thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam; hoặc có thời gian học tập ở nước ngoài và ở Việt Nam, tốt nghiệp chương trình THPT ở Việt Nam: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định dựa trên kết quả Phỏng vấn do Học viện tổ chức (*dự kiến là 6/10 điểm*).
- Đối với thí sinh xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (*tại mục 7.3.4 của Đề án tuyển sinh*): Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được xác định dựa trên tổng điểm của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và được Học viện công bố sau (trước ngày 05/8/2021*).

Lưu ý: Trừ đối tượng là thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021, Học viện chấp nhận kết quả miễn thi ngoại ngữ trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để tính điểm đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức còn lại.

7.1. XÉT TUYỂN THẲNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA HỌC VIỆN

* **Chỉ tiêu xét tuyển:** 67 chỉ tiêu cho tất cả các ngành.

* **Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:** Chi tiết tại mục 9. Chính sách ưu tiên của Đề án tuyển sinh.

* Do tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, mốc thời gian này có thể được điều chỉnh (theo dõi các thông báo tiếp theo trên website của Học viện).

*** Hồ sơ đăng ký xét tuyển:** Theo quy định và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng thuộc đối tượng tại điểm a, b, c, d, e thuộc mục 9.1 của Đề án tuyển sinh:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Công văn số 1444/BGDĐT-GDDH ngày 14/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non);

- Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận là thành viên được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế hoặc Giấy chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GDĐT); Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế; hoặc giấy chứng nhận thuộc đối tượng xét tuyển thẳng khác;

- 02 phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh;

- 02 ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng thuộc đối tượng tại điểm g thuộc mục 9.1 của Đề án tuyển sinh:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Công văn số 1444/BGDĐT-GDDH ngày 14/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non);

- Bản sao hợp lệ học bạ 03 năm học THPT;

- Bản sao hợp lệ hộ khẩu thường trú và Giấy chứng nhận đối tượng thuộc diện xét tuyển thẳng khác;

- 02 phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh;

- 02 ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

Đối với thí sinh đăng ký ưu tiên xét tuyển thuộc đối tượng tại mục 9.2 của Đề án tuyển sinh:

- Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Công văn số 1444/BGDĐT-GDDH ngày 14/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non);

- Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn Học sinh giỏi quốc gia;

hoặc giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia; hoặc Giấy chứng nhận đoạt giải trong các Cuộc thi /Triển lãm/ Phát minh Khoa học kỹ thuật quốc tế và các chứng nhận liên quan đến cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận;

- Bản sao hợp lệ học bạ 03 năm học THPT đối với thí sinh là thành viên trong đội tuyển tham dự Cuộc thi /Triển lãm/ Phát minh Khoa học kỹ thuật quốc tế do các Hội, Trường, các tổ chức cử hoặc lập đội tuyển có sự đồng ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* **Tổ chức xét tuyển:** Theo quy định và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh phải nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại Sở GDĐT trước ngày 30/5/2021.

- Sau khi có thông báo kết quả xét tuyển của Học viện Ngoại giao (trước ngày 28/7/2021)*, thí sinh phải nộp Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (tạm thời) và Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT về Học viện Ngoại giao trước ngày 10/8/2021* (thời gian tính theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh). Quá thời hạn trên, thí sinh không nộp các giấy tờ quy định xem như từ chối nhập học.

7.2. XÉT TUYỂN THĂNG THEO ĐỀ ÁN TUYỂN SINH RIÊNG CỦA HỌC VIỆN

* **Chỉ tiêu xét tuyển thẳng:** 671 chỉ tiêu cho tất cả các ngành (*chi tiết xem tại Bảng tóm tắt - trang 33 của Đề án tuyển sinh đã điều chỉnh*).

* **Đối tượng và cách thức xét tuyển thẳng:** Học viện xét tuyển thẳng các đối tượng sau:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021 đáp ứng 02 điều kiện sau: (1) Điểm trung bình cộng kết quả học tập của 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên; và (2) Chứng chỉ quốc tế IELTS academic đạt từ 7.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT đạt từ 94 trở lên, hoặc SAT từ 1300 trở lên; hoặc từ DELF-B2 trở lên; hoặc HSK6 từ 200 điểm trở lên (*434 chỉ tiêu cho tất cả các ngành*).

- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021 là học sinh trường THPT Chuyên (*theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Chuyên*) hoặc trường THPT trọng điểm quốc gia đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Có điểm trung bình cộng kết quả học tập của 5/5 kỳ học lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đạt từ 8.8 trở lên (*78 chỉ tiêu cho tất cả các ngành*).

* Do tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, các mốc thời gian này có thể được điều chỉnh (theo dõi các thông báo tiếp theo trên website của Học viện).

- Có Chứng chỉ quốc tế IELTS academic đạt từ 6.5 trở lên, hoặc TOEFL iBT đạt từ 79 trở lên, hoặc SAT từ 1250 trở lên; hoặc từ DELF-B1 trở lên; hoặc HSK5 từ 240 điểm trở lên và có điểm trung bình cộng kết quả học tập của 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên (*159 chỉ tiêu cho tất cả các ngành*).

* **Tiêu chí phụ xét tuyển thẳng:** Trong trường hợp số lượng thí sinh đủ điều kiện xét tuyển thẳng nhiều hơn số chỉ tiêu, Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

- Đối với thí sinh sử dụng Chứng chỉ quốc tế:

- Điểm Chứng chỉ quốc tế cao hơn.
- Điểm kết quả học tập THPT được sử dụng để xét tuyển thẳng.

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT:

- Điểm kết quả học tập THPT được sử dụng để xét tuyển thẳng cao hơn.
- Điểm trung bình chung học tập môn Ngoại ngữ của 5/5 kỳ học lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12.

Lưu ý: Trong trường hợp số lượng thí sinh xác nhận nhập học vượt quá chỉ tiêu xét tuyển thẳng của ngành, các thí sinh còn lại sẽ được chuyển sang phương thức XÉT TUYỂN hoặc chuyển sang các ngành khác trong thứ tự ưu tiên nếu ngành đó còn chỉ tiêu.

* **Tổ chức xét tuyển thẳng:**

- Thời gian đăng ký xét tuyển thẳng trực tuyến và nộp hồ sơ: Từ ngày 20/5/2021 đến hết ngày 27/5/2021.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển thẳng: Dự kiến trước ngày 05/6/2021.

- Phương thức đăng ký xét tuyển thẳng: Đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện Ngoại giao tại địa chỉ: <https://tuyensinh.dav.edu.vn> (bắt đầu mở cổng đăng ký xét tuyển từ ngày 20/5/2021) và nộp hồ sơ theo quy định về Học viện.

* **Quy trình nộp hồ sơ xét tuyển thẳng:**

Bước 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng trực tuyến tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://tuyensinh.dav.edu.vn> và in Phiếu đăng ký.

Bước 2: Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

- Chứng chỉ quốc tế (Bản sao công chứng); hoặc Giấy xác nhận là học sinh trường THPT Chuyên/ trọng điểm quốc gia (Bản gốc) **theo mẫu tại đây**;
- Học bạ THPT (Bản sao công chứng) hoặc xác nhận kết quả học tập THPT có

xác nhận của trường THPT (nếu chưa có học bạ THPT);

➤ Phiếu đăng ký ở Bước 1.

Bước 3: Nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: từ 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện trước 17h00 ngày 27/5/2021 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Phòng Đào tạo đại học - Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

*** Quy trình nộp hồ sơ xác nhận nhập học:**

- Thí sinh được xét dự kiến trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo 02 bước:

Bước 1: Từ ngày 07/6/2021 đến 17h00 ngày 12/6/2021, thí sinh nộp Bản cam kết nhập học và Chứng chỉ quốc tế (bản gốc) đối với thí sinh xét tuyển theo phương thức có sử dụng Chứng chỉ quốc tế để xác nhận cam kết nhập học; đồng thời tham dự các hoạt động định hướng học tập do Học viện tổ chức.

Bước 2: Từ ngày 03/8 đến 17h00 ngày 10/8/2021, thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học ở Bước 1 nộp bổ sung Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (bản gốc) và nhận Giấy báo trúng tuyển chính thức.

- Thí sinh không nộp Hồ sơ xác nhận nhập học theo quy định trên coi như không có nguyện vọng học và bị xóa tên khỏi Danh sách trúng tuyển của Học viện.

- Nếu thí sinh nộp giấy tờ xác nhận nhập học qua bưu điện, cần bổ sung 01 phong bì dán sẵn tem, ghi rõ địa chỉ và số điện thoại người nhận để Học viện gửi Giấy báo trúng tuyển chính thức cho thí sinh qua đường bưu điện.

7.3. XÉT TUYỂN: THEO 04 PHƯƠNG THỨC

7.3.1. PHƯƠNG THỨC 1: XÉT TUYỂN KẾT HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT VÀ CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ

* **Chỉ tiêu xét tuyển:** 248 chỉ tiêu cho tất cả các ngành (*chi tiết xem tại Bảng tóm tắt - trang 33 của Đề án tuyển sinh đã điều chỉnh*).

* **Đối tượng xét tuyển:** Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh đăng ký xét tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp THPT trong năm 2021;
- Có điểm trung bình cộng kết quả học tập của 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên;
- Có một trong các Chứng chỉ quốc tế còn giá trị sử dụng tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển sau đây:

➤ **Tiếng Anh:** IELTS academic đạt từ 6.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT đạt từ 70

trở lên, hoặc SAT từ 1200 trở lên.

- **Tiếng Pháp:** từ DELF-B1 trở lên.
- **Tiếng Trung Quốc:** từ HSK 4 trở lên.

*** Điểm xét tuyển:**

- Điểm xét tuyển bao gồm: (1) Điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế (*Bảng 1*); và (2) Tổng của điểm trung bình cộng kết quả học tập của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của Học viện thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 **đã lựa chọn để tham gia xét tuyển*** và (3) Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

Bảng 1: Bảng quy đổi điểm Chứng chỉ quốc tế theo thang điểm 10

Trình độ ngoại ngữ		Quy đổi điểm theo thang điểm 10	
1. Tiếng Anh	IELTS	TOEFL iBT	
	6.0	70 - 78	7.5
	6.5	79 - 93	8.0
	7.0	94 - 101	8.5
	7.5	102 - 109	9.0
	8.0	110 - 112	9.5
	8.5 - 9.0	113 - 120	10
2. Tiếng Pháp	DELF-B1		8.5
	DELF-B2		9.0
	DALF-C1		9.5
	DALF-C2		10.0
3. Tiếng Trung Quốc	HSK4 (Mức điểm từ 180-269)		8.0
	HSK4 (Mức điểm từ 270)		8.5
	HSK5 (Mức điểm từ 180-239)		9.0
	HSK5 (Mức điểm từ 240)		9.5
	HSK6		10.0
Điểm bài thi Chuẩn hóa năng lực quốc tế (SAT)			
1	1200-1240		7.5
2	1250-1290		8.0
3	1300-1340		8.5
4	1350-1390		9.0
5	1400-1490		9.5
6	1500-1600		10

* Ví dụ: Điểm trung bình (ĐTB) cộng kết quả học tập của môn Toán = (Điểm học kỳ I năm lớp 10 môn Toán + Điểm học kỳ I năm lớp 11 môn Toán + Điểm học kỳ I năm lớp 12 môn Toán) /3.

- Đối với các ngành **Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Kinh doanh quốc tế và Truyền thông quốc tế:**

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển (tính trên thang 40) = A+B+C

Trong đó: A: là điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế.

B: là tổng của điểm trung bình cộng kết quả học tập của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của Học viện thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

C: là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT (nếu có).

- Đối với ngành **Ngôn ngữ Anh:**

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển (tính trên thang 50) = A+B+C

Trong đó: A: là điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế x 2.

B: là tổng của điểm trung bình cộng kết quả học tập của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của Học viện thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

C: là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT (nếu có).

- Điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển của từng ngành đào tạo sẽ tính từ trên xuống dưới đến hết chỉ tiêu.

* **Tiêu chí phụ xét tuyển:** Trong trường hợp tại điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển của từng ngành đào tạo có số lượng thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu, Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

- Nguyên vọng cao hơn.

- Điểm Chứng chỉ quốc tế cao hơn.

- Điểm trung bình chung học tập môn Ngoại ngữ của năm học lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A01, D01, D03, D04; hoặc môn Toán đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A00; hoặc môn Ngữ văn đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển C00.

* **Tổ chức xét tuyển:**

- Thời gian đăng ký xét tuyển trực tuyến và nộp hồ sơ: Từ ngày 20/5/2021 đến hết ngày 27/5/2021.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến trước ngày 15/6/2021.

- Phương thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện Ngoại giao tại địa chỉ: <https://tuyensinh.dav.edu.vn> (bắt đầu mở cổng đăng ký xét tuyển từ ngày 20/5/2021) và nộp hồ sơ theo quy định về Học viện.

*** Quy trình nộp hồ sơ xét tuyển:**

Bước 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://tuyensinh.dav.edu.vn> và in Phiếu đăng ký.

Bước 2: Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

- Chứng chỉ quốc tế (Bản sao công chứng);
- Học bạ THPT (Bản sao công chứng) hoặc xác nhận kết quả học tập THPT có xác nhận của trường THPT (nếu chưa có học bạ THPT);
- Phiếu đăng ký ở Bước 1;
- Các giấy tờ ưu tiên khu vực, đối tượng nếu có (Bản sao công chứng).

Bước 3: Nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: từ 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện trước 17h00 ngày 27/5/2021 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Phòng Đào tạo đại học - Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

*** Quy trình nộp hồ sơ xác nhận nhập học:**

- Thí sinh được xét dự kiến trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo 02 bước:

Bước 1: Từ ngày 16/6/2021 đến 17h00 ngày 22/6/2021, thí sinh nộp Bản cam kết nhập học và Chứng chỉ quốc tế (bản gốc) để xác nhận cam kết nhập học; đồng thời tham dự các hoạt động định hướng học tập do Học viện tổ chức.

Bước 2: Từ ngày 03/8 đến 17h00 ngày 10/8/2021, thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học ở Bước 1 nộp bổ sung Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (bản gốc) và nhận Giấy báo trúng tuyển chính thức.

- Thí sinh không nộp Hồ sơ xác nhận nhập học theo quy định trên coi như không có nguyện vọng học và bị xóa tên khỏi Danh sách trúng tuyển của Học viện.

- Nếu thí sinh nộp giấy tờ xác nhận nhập học qua bưu điện, cần bổ sung 01 phong bì dán sẵn tem, ghi rõ địa chỉ và số điện thoại người nhận để Học viện gửi Giấy báo trúng tuyển chính thức cho thí sinh qua đường bưu điện.

7.3.2. PHƯƠNG THỨC 2: XÉT TUYỂN KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT

* **Chỉ tiêu xét tuyển:** 132 chỉ tiêu cho tất cả các ngành (*chi tiết xem tại Bảng tóm tắt - trang 33 của Đề án tuyển sinh đã điều chỉnh*).

* **Đối tượng xét tuyển:** Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh đăng ký xét tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp THPT trong năm 2021;

- Thuộc 01 trong các đối tượng:

- Là học sinh trường THPT chuyên (theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Chuyên), hoặc trường THPT trọng điểm quốc gia.
- Có tên trong Quyết định thành lập đội tuyển thi HSG Quốc gia hoặc đoạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi HSG cấp tỉnh/ thành phố lớp 10, lớp 11 hoặc lớp 12 các môn trong tổ hợp môn xét tuyển của Học viện (Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc hoặc Tiếng Pháp).
- Có tên trong Quyết định thành lập đội tuyển thi KHKT cấp Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức mà nội dung đề tài được Hội đồng tuyển sinh đánh giá là phù hợp với môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Học viện.

- Có điểm trung bình cộng kết quả học tập của 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên.

* **Điểm xét tuyển:**

- Điểm xét tuyển bao gồm: Tổng của điểm trung bình cộng kết quả học tập của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào Học viện thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 **đã lựa chọn để tham gia xét tuyển** và điểm ưu tiên (nếu có).

- Điểm ưu tiên bao gồm:

- Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Điểm ưu tiên dành cho các thí sinh cụ thể như sau*:
 - + Có tên trong Quyết định thành lập đội tuyển thi HSG Quốc gia hoặc trong Quyết định thành lập đội tuyển thi KHKT cấp Quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức : 2.0 điểm
 - + Giải Nhất kỳ thi HSG cấp Tỉnh/ Thành phố : 1.5 điểm
 - + Giải Nhì kỳ thi HSG cấp Tỉnh/ Thành phố : 1.0 điểm
 - + Giải Ba kỳ thi HSG cấp Tỉnh/ Thành phố : 0.5 điểm

- Đối với các ngành ***Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Kinh doanh quốc tế và Truyền thông quốc tế***:

* Thí sinh có nhiều diện ưu tiên chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển (tính trên thang 30) = A+B+C+D

Trong đó: A & B & C: là điểm trung bình cộng kết quả học tập của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào Học viện thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

D: là điểm ưu tiên (nếu có).

- Đối với ngành **Ngôn ngữ Anh**:

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển (tính trên thang 40) = A+ B + C + D

Trong đó: A: là (điểm trung bình cộng kết quả học tập của môn tiếng Anh thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển) x 2.

B & C: là điểm trung bình chung học tập của 02 môn Toán và Ngữ văn thuộc 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đã lựa chọn để tham gia xét tuyển.

D: là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT (nếu có).

- Điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển của từng ngành đào tạo sẽ tính từ trên xuống dưới đến hết chỉ tiêu.

* **Tiêu chí phụ xét tuyển:** Trong trường hợp tại điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển của từng ngành đào tạo có số lượng thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu, Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự lần lượt như sau:

- Nguyên vọng cao hơn.

- Điểm trung bình chung học tập môn Ngoại ngữ của năm học lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A01, D01, D03, D04; hoặc môn Toán đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A00; hoặc môn Ngữ văn đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển C00.

* **Tổ chức xét tuyển:**

- Thời gian đăng ký xét tuyển trực tuyến và nộp hồ sơ: Từ ngày 20/5/2021 đến hết ngày 27/5/2021.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến trước ngày 15/6/2021.

- Phương thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện Ngoại giao tại địa chỉ: <https://tuyensinh.dav.edu.vn> (bắt đầu mở cổng đăng ký xét tuyển từ ngày 20/5/2021) và nộp hồ sơ theo quy định về Học viện.

*** Quy trình nộp hồ sơ xét tuyển:**

Bước 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến tại Cổng thông tin tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ website: <https://tuyensinh.dav.edu.vn> và in Phiếu đăng ký.

Bước 2: Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

- Giấy xác nhận là học sinh trường THPT Chuyên/ trọng điểm quốc gia (Bản gốc) ***theo mẫu tại đây***; hoặc Giấy xác nhận là thành viên trong kỳ thi HSG Quốc gia/ cuộc thi KHKT cấp Quốc gia; hoặc Giấy chứng nhận đoạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi HSG cấp tỉnh/ thành phố;
- Học bạ THPT (Bản sao công chứng) hoặc xác nhận kết quả học tập THPT có xác nhận của trường THPT (nếu chưa có học bạ THPT);
- Phiếu đăng ký ở Bước 1;
- Các giấy tờ ưu tiên khu vực, đối tượng nếu có (Bản sao công chứng).

Bước 3: Nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: từ 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện trước 17h00 ngày 27/5/2021 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Phòng Đào tạo đại học - Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

*** Quy trình nộp hồ sơ xác nhận nhập học:**

- Thí sinh được xét dự kiến trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo 02 bước:

Bước 1: Từ ngày 16/6/2021 đến 17h00 ngày 22/6/2021, thí sinh nộp Bản cam kết nhập học để xác nhận cam kết nhập học; đồng thời tham dự các hoạt động định hướng học tập do Học viện tổ chức.

Bước 2: Từ ngày 03/8 đến 17h00 ngày 10/8/2021, thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học ở Bước 1 nộp bổ sung Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (bản gốc) và nhận Giấy báo trúng tuyển chính thức.

- Thí sinh không nộp Hồ sơ xác nhận nhập học theo quy định trên coi như không có nguyện vọng học và bị xóa tên khỏi Danh sách trúng tuyển của Học viện.

- Nếu thí sinh nộp giấy tờ xác nhận nhập học qua bưu điện, cần bổ sung 01 phong bì dán sẵn tem, ghi rõ địa chỉ và số điện thoại người nhận để Học viện gửi Giấy báo trúng tuyển chính thức cho thí sinh qua đường bưu điện.

7.3.3. PHƯƠNG THỨC 3: XÉT TUYỂN DỰA TRÊN KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT, CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ VÀ PHỎNG VẤN ĐỐI VỚI THÍ SINH TỐT NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH THPT CỦA NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC NGOÀI HOẶC Ở VIỆT NAM; HOẶC CÓ THỜI GIAN HỌC TẬP Ở NƯỚC NGOÀI VÀ Ở VIỆT

NAM, TỐT NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH THPT Ở VIỆT NAM

* **Chỉ tiêu xét tuyển:** 26 chỉ tiêu cho tất cả các ngành.

* **Đối tượng xét tuyển:** Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh đáp ứng các điều kiện sau:

- Thuộc 01 trong các đối tượng:

- Đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.
- Có thời gian học tập ở nước ngoài và ở Việt Nam, tốt nghiệp chương trình THPT ở Việt Nam.

- Có Chứng chỉ quốc tế IELTS academic đạt từ 7.0 trở lên, hoặc TOEFL iBT đạt từ 94 trở lên, hoặc SAT từ 1300 trở lên, hoặc từ DELF-B2 trở lên, hoặc từ HSK 5 trở lên, hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác với mức điểm tương đương.

* **Phương thức xét tuyển:** Xét Kết quả học tập THPT, Chứng chỉ quốc tế kết hợp Phỏng vấn .

* **Điểm xét tuyển:**

- Điểm xét tuyển bao gồm: (1) Điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế (*Bảng 2*); (2) Điểm Phỏng vấn và (3) Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

Bảng 2: Bảng quy đổi điểm Chứng chỉ quốc tế theo thang điểm 10

Trình độ ngoại ngữ		Quy đổi điểm theo thang điểm 10	
1. Tiếng Anh	IELTS	TOEFL iBT	
	7.0	94 - 101	8.5
	7.5	102 - 109	9.0
	8.0	110 - 112	9.5
	8.5 - 9.0	113 - 120	10
2. Tiếng Pháp	DELF-B2		9.0
	DALF-C1		9.5
	DALF-C2		10.0
3. Tiếng Trung Quốc	HSK5 (Mức điểm từ 180-239)		9.0
	HSK5 (Mức điểm từ 240)		9.5
	HSK6		10.0
Điểm bài thi Chuẩn hóa năng lực quốc tế (SAT)			
1	1300-1340		8.5

2	1350-1390	9.0
3	1400-1490	9.5
4	1500-1600	10

- Đối với các ngành ***Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Kinh doanh quốc tế và Truyền thông quốc tế***:

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển (tính trên thang 20) = A+B+C

Trong đó: A: là điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế.

B: là điểm Phỏng vấn.

C: là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT (nếu có).

- Đối với ngành ***Ngôn ngữ Anh***:

Công thức tính điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển (tính trên thang 30) = A+B+C

Trong đó: A: là điểm quy đổi Chứng chỉ quốc tế x 2.

B: là điểm Phỏng vấn.

C: là điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT (nếu có).

- Điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển của từng ngành đào tạo sẽ tính từ trên xuống dưới đến hết chỉ tiêu.

* **Tiêu chí phụ xét tuyển:** Trong trường hợp tại điểm đánh giá hồ sơ xét tuyển của từng ngành đào tạo có số lượng thí sinh nhiều hơn số chỉ tiêu, Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

- Điểm Phỏng vấn.

- Nguyên vọng cao hơn.

- Điểm Chứng chỉ quốc tế cao hơn.

* **Tổ chức xét tuyển:**

- Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ ngày 20/5/2021 đến hết ngày 27/5/2021.

- Thời gian phỏng vấn: Dự kiến 05/6/2021.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến trước ngày 15/6/2021.

- Phương thức đăng ký xét tuyển: Nộp hồ sơ theo quy định về Học viện.

* **Quy trình nộp hồ sơ xét tuyển:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ, gồm có:

➤ Chứng chỉ quốc tế (Bản sao công chứng);

➤ Học bạ THPT (Bản sao công chứng) hoặc xác nhận kết quả học tập THPT có xác nhận của trường THPT (nếu chưa có học bạ THPT);

- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (nếu có);
- Các giấy tờ ưu tiên khu vực, đối tượng nếu có (Bản sao công chứng).

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ hành chính (sáng: từ 08h30 - 11h30, chiều: từ 14h00 - 17h00) hoặc gửi hồ sơ bằng đường bưu điện trước 17h00 ngày 27/5/2021 (tính theo dấu bưu điện) đến địa chỉ: Phòng Đào tạo đại học - Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

*** Quy trình nộp hồ sơ xác nhận nhập học:**

- Thí sinh được xét dự kiến trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo 02 bước:

Bước 1: Từ ngày 16/6/2021 đến 17h00 ngày 22/6/2021, thí sinh nộp Bản cam kết nhập học, Chứng chỉ quốc tế (bản gốc) và Học bạ THPT (bản gốc - nếu có) để xác nhận cam kết nhập học; đồng thời tham dự các hoạt động định hướng học tập do Học viện tổ chức.

Bước 2: Từ ngày 03/8 đến 17h00 ngày 10/8/2021, thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học ở Bước 1 nộp bổ sung Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (bản gốc - nếu có) và nhận Giấy báo trúng tuyển chính thức.

- Thí sinh không nộp Hồ sơ xác nhận nhập học theo quy định trên coi như không có nguyện vọng học và bị xóa tên khỏi Danh sách trúng tuyển của Học viện.

- Nếu thí sinh nộp giấy tờ xác nhận nhập học qua bưu điện, cần bổ sung 01 phong bì dán sẵn tem, ghi rõ địa chỉ và số điện thoại người nhận để Học viện gửi Giấy báo trúng tuyển chính thức cho thí sinh qua đường bưu điện.

7.3.4. PHƯƠNG THỨC 4: XÉT TUYỂN DỰA TRÊN KẾT QUẢ KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

* **Chỉ tiêu xét tuyển:** 406 chỉ tiêu cho tất cả các ngành.

* **Đối tượng xét tuyển:** Ngoài các điều kiện chung theo quy định, thí sinh có đầy đủ các điều kiện sau được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT.

- Tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, có tổng điểm xét tuyển và điểm ưu tiên khu vực và đối tượng đạt từ mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển do Học viện Ngoại giao quy định trở lên, và không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ **1.0 (một)** điểm trở xuống.

- Đối với phương thức xét tuyển này, Học viện Ngoại giao không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ; không sử dụng kết quả điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi Tốt

nghiệp THPT, kỳ thi THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển trong năm 2021; không cộng điểm ưu tiên thí sinh có chứng chỉ nghề.

*** Điểm xét tuyển:**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Công thức tính điểm xét tuyển:

- Đối với ngành **Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Truyền thông quốc tế, Kinh doanh quốc tế và Kinh tế quốc tế**: Điểm xét tuyển (tính trên thang 30) = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3) + Điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng (nếu có).
- Đối với ngành **Ngôn ngữ Anh**: Điểm xét tuyển (tính trên thang 40) = (Điểm môn Toán + Điểm môn Ngữ văn + Điểm môn Tiếng Anh x 2) + Điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng được quy đổi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

*** Tiêu chí phụ:** Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Học viện sẽ sử dụng tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

- Nguyên vọng cao hơn.

- Điểm thi môn Ngoại ngữ đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A01, D01, D03, D04; hoặc môn Ngữ văn đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển C00; hoặc môn Toán đối với các thí sinh sử dụng tổ hợp môn xét tuyển A00 để xác định danh sách thí sinh trúng tuyển.

*** Tổ chức xét tuyển:** Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Công bố kết quả xét tuyển:** Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC ĐỂ THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO CÁC NGÀNH CỦA TRƯỜNG

- Mã trường: **HQT**

- Tên ngành, Mã ngành, Chỉ tiêu điều chỉnh, Tổ hợp xét tuyển năm 2021:

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Tổng chỉ tiêu	Ghi chú
Các ngành đào tạo Đại học			1550	
Ngành Quan hệ quốc tế <i>(Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)</i>	7310206	A00: Toán, Vật lý, Hoá học hoặc A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh hoặc D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh hoặc D03: Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp hoặc D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung Quốc hoặc C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	400	Các môn xét tuyển nhân hệ số 1
Ngành Luật quốc tế <i>(Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)</i>	7380108	A00: Toán, Vật lý, Hoá học hoặc A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh hoặc D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh hoặc C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	200	Các môn xét tuyển nhân hệ số 1
Ngành Kinh tế quốc tế <i>(Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)</i>	7310106	A00: Toán, Vật lý, Hóa học hoặc A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh hoặc D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	250	Các môn xét tuyển nhân hệ số 1
Ngành Truyền thông quốc tế <i>(Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)</i>	7320107	A00: Toán, Vật lý, Hoá học hoặc A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh hoặc D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh hoặc D03: Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp hoặc D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung Quốc hoặc C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	400	Các môn xét tuyển nhân hệ số 1
Ngành Kinh doanh quốc tế <i>(Chương trình CLC)</i>	7340120	A00: Toán, Vật lý, Hóa học hoặc A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh hoặc D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	100	Các môn xét tuyển nhân hệ số 1
Ngành Ngôn ngữ Anh <i>(Chương trình Tiêu chuẩn và CLC)</i>	7220201	D01: Ngữ văn, Toán, TIẾNG ANH	200	Môn Tiếng Anh nhân hệ số 2, các môn còn lại nhân hệ số 1

Lưu ý:

- Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong xét tuyển đợt 1, đối với từng ngành, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký. Đối với mỗi thí sinh, nếu ĐKXT vào nhiều ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

- Thí sinh trúng tuyển Đợt 1 và đã xác nhận nhập học thì không được đăng ký ở các đợt xét tuyển nguyện vọng bổ sung (nếu có).

- Trừ ngành Ngôn ngữ Anh, thí sinh sau khi trúng tuyển các ngành Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Luật quốc tế và Truyền thông quốc tế được lựa chọn học một trong các ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc hoặc tiếng Nhật Bản (nếu số lượng đăng ký đáp ứng yêu cầu về quy mô lớp học).

9. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN (XÉT TUYỂN THĂNG; ƯU TIÊN XÉT TUYỂN)

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Ngoại giao.

9.1. Đối tượng xét tuyển thăng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

b) Người đã trúng tuyển vào Học viện Ngoại giao, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét tiếp nhận vào học theo ngành đã trúng tuyển trước đây;

c) Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT năm 2021 thì được xét tuyển thăng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

d) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia của môn Tiếng Anh và đã tốt nghiệp THPT năm 2021 được tuyển thăng vào Học viện theo ngành

đúng với môn mà thí sinh đã đoạt giải (ngành Ngôn ngữ Anh);

e) Đối với thí sinh là người nước ngoài, đã tốt nghiệp THPT, có nguyện vọng học tại Học viện Ngoại giao, Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ vào kết quả học tập THPT, kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của Học viện để xem xét, quyết định cho vào học;

g) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ, xếp loại học lực năm lớp 10,11,12 đạt từ loại Khá trở lên, được Học viện xem xét, quyết định xét tuyển thẳng vào học ngành theo nguyện vọng của thí sinh. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng theo đối tượng này: tối đa 10 thí sinh.

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 01 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình học bổ sung kiến thức do Giám đốc Học viện quy định.

9.2. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

- Thí sinh đoạt giải **Nhất**, **Nhì** và **Ba** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đã tốt nghiệp THPT năm 2021, có kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện Ngoại giao quy định được ưu tiên xét tuyển vào Học viện theo ngành có tổ hợp môn thi tương ứng với môn thi mà thí sinh đã đoạt giải.

Cụ thể như sau:

STT	Tên môn thi đoạt giải học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Toán	Quan hệ quốc tế Kinh tế quốc tế Luật quốc tế Truyền thông quốc tế Kinh doanh quốc tế Ngôn ngữ Anh	7310206 7310106 7380108 7320107 7340120 7220201

STT	Tên môn thi đoạt giải học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
2	Ngữ văn	Quan hệ quốc tế Kinh tế quốc tế Luật quốc tế Truyền thông quốc tế Kinh doanh quốc tế Ngôn ngữ Anh	7310206 7310106 7380108 7320107 7340120 7220201
3	Tiếng Anh	Quan hệ quốc tế Kinh tế quốc tế Luật quốc tế Truyền thông quốc tế Kinh doanh quốc tế	7310206 7310106 7380108 7320107 7340120
4	Vật lí	Quan hệ quốc tế Kinh tế quốc tế Luật quốc tế Truyền thông quốc tế Kinh doanh quốc tế	7310206 7310106 7380108 7320107 7340120
5	Hóa học	Quan hệ quốc tế Kinh tế quốc tế Luật quốc tế Truyền thông quốc tế Kinh doanh quốc tế	7310206 7310106 7380108 7320107 7340120
6	Tiếng Pháp	Quan hệ quốc tế Truyền thông quốc tế	7310206 7320107
7	Tiếng Trung Quốc	Quan hệ quốc tế Truyền thông quốc tế	7310206 7320107
8	Lịch sử	Quan hệ quốc tế Truyền thông quốc tế Luật quốc tế	7310206 7320107 7380108
9	Địa lý	Quan hệ quốc tế Truyền thông quốc tế Luật quốc tế	7310206 7320107 7380108

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì và Ba trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT năm 2021, có kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện Ngoại giao quy định được ưu tiên xét tuyển

vào ngành phù hợp với đề tài mà thí sinh đã đoạt giải.

- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021 là thành viên trong đội tuyển tham dự Cuộc thi /Triển lãm/ Phát minh Khoa học kỹ thuật quốc tế do các Hội, Trường, các tổ chức cử hoặc lập đội tuyển có sự đồng ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có Giấy chứng nhận đoạt giải trong các Cuộc thi /Triển lãm/ Phát minh Khoa học kỹ thuật quốc tế và các chứng nhận liên quan đến cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận; có điểm trung bình cộng kết quả học tập của 3 học kỳ bất kỳ trong 5 học kỳ lớp 10, 11 và học kỳ I năm học lớp 12 đạt từ 8.0 trở lên; có kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Học viện Ngoại giao quy định được ưu tiên xét tuyển vào ngành phù hợp với đề tài mà thí sinh đã đoạt giải.

10. LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

- Phương thức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các phương thức còn lại: 100.000 đồng/ hồ sơ.

11. HỌC PHÍ DỰ KIẾN VỚI SINH VIÊN CHÍNH QUY

- Dự kiến mức học phí chương trình Tiêu chuẩn năm học 2021-2022: 1.900.000 đồng/sinh viên/tháng.

- Dự kiến mức học phí chương trình Chất lượng cao năm học 2021-2022: 3.950.000 đồng/sinh viên/tháng (đối với ngành Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế và Truyền thông quốc tế); 4.150.000 đồng/sinh viên/tháng (đối với ngành Ngôn ngữ Anh).

- Mức tăng học phí hàng năm không quá 10% so với năm học trước.

12. THÔNG TIN LIÊN HỆ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC TRONG QUÁ TRÌNH ĐĂNG KÝ DỰ THI, ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC

Thí sinh muốn biết thêm thông tin tuyển sinh của Học viện Ngoại giao hoặc thông tin về các ngành đào tạo, đề nghị liên hệ: Phòng Đào tạo đại học, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Hotline: 0943 48 28 40; Email: tuyensinhhvng@dav.edu.vn

- Website: <https://www.dav.edu.vn>

- Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao

13. TUYỂN SINH CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Chương trình Liên kết đào tạo giữa Học viện Ngoại giao và Đại học Victoria Wellington (New Zealand) được Bộ Ngoại giao chấp thuận và Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép từ năm 2011. Ngành đào tạo: Quan hệ quốc tế, Khoa học chính trị, Truyền thông.

* **Chỉ tiêu xét tuyển:** 50 chỉ tiêu.

* **Điều kiện xét tuyển:** Thí sinh đăng ký đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Học sinh tốt nghiệp THPT trong nước hoặc nước ngoài.

- Sinh viên đang theo học các trường đại học trong nước hoặc nước ngoài.

* **Tiêu chí xét tuyển:**

- Tốt nghiệp THPT trong nước/nước ngoài;

- Đạt IELTS Academic từ 5.5 trở lên (hoặc TOEFL iBT tương đương).

* **Thời gian đào tạo:** 1,5 năm học ở Học viện Ngoại giao; 1,5 năm học ở New Zealand. Bằng Cử nhân do Đại học Victoria Wellington cấp.

* **Thông tin liên hệ:** Thí sinh muốn biết thêm thông tin tuyển sinh về Chương trình liên kết đào tạo, đề nghị liên hệ: Chương trình Liên kết đào tạo, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Hotline: 0912 603 333 - 0904 509 769

- Email: lienketdaotaohvng@dav.edu.vn

- Fanpage: Chương trình Cử nhân quốc tế - Học viện Ngoại giao

14. TÌNH HÌNH VIỆC LÀM

Khối ngành (Hệ ĐH chính quy)	Chỉ tiêu Tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp Đợt 1	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)
Khóa tốt nghiệp năm 2019				
Khối ngành III	90	97	72	96.3
Khối ngành VII	360	446	318	99
Tổng	450	543	390	97.6
Khóa tốt nghiệp năm 2020				
Khối ngành III	90	82	59	90
Khối ngành VII	360	371	258	95
Tổng	450	453	317	92.5

15. TÀI CHÍNH

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm: 87.602.961.599 đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình chưa bao gồm kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp:
 - + Chương trình Tiêu chuẩn 14.645.658 đồng/1 sinh viên/năm.
 - + Chương trình Chất lượng cao 26.785.233 đồng/1 sinh viên/năm.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Q. GIÁM ĐỐC

(đã ký)

TS. Phạm Lan Dung

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU CHỦ TRÌ GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo/ Lĩnh vực chuyên sâu	Giảng viên môn chung	Ngành chủ trì giảng dạy trình độ Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành
1	Bạch Thanh Bình	Nữ		Tiến sĩ	Triết học	x		
2	Bùi Thùy Linh	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
3	Chu Kim Dung	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
4	Chu Minh Thảo	Nữ		Tiến sĩ	Khoa học chính trị: Chính trị học		7310206	Quan hệ quốc tế
5	Chu Quỳnh Chi	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế
6	Đặng Cẩm Tú	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Nghiên cứu chiến lược Chính trị học và Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
7	Đặng Hoàng Linh	Nam	PGS	Tiến sĩ	Địa kinh tế		7310106	Kinh tế quốc tế
8	Đặng Quốc Chí	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
9	Đặng Trung Dũng	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
10	Đinh Thị Hiền Lương	Nữ		Tiến sĩ	Nghiên cứu An ninh quốc tế Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
11	Đinh Thị Thu	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
12	Đỗ Đức Thành	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế Biên Phiên dịch		7310206	Quan hệ quốc tế
13	Đỗ Hải Hà	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ		7220201	Ngôn ngữ Anh
14	Đỗ Huyền Trang	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông Marketing Quan hệ quốc tế Truyền thông quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế

15	Đỗ Mai Lan	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
16	Đỗ Mạnh Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
17	Đỗ Sơn Hải	Nam	PGS	Tiến sĩ	Lịch sử Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
18	Đỗ Thanh Hải	Nam		Tiến sĩ	Khoa học Chính trị và Quan hệ quốc tế Nghiên cứu chiến lược		7310206	Quan hệ quốc tế
19	Đỗ Thị Thanh Bình	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
20	Đỗ Thị Thanh Hương	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340120	Kinh doanh quốc tế
21	Đỗ Thị Thu Phượng	Nữ		Thạc sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương học Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
22	Đỗ Thị Thủy	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
23	Đỗ Tư Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Văn tự Hán		7320107	Truyền thông quốc tế
24	Doãn Mai Linh	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế và Kinh tế quốc tế Lịch sử Quan hệ quốc tế và CSDN		7310206	Quan hệ quốc tế
25	Hà Anh Tuấn	Nam	PGS	Tiến sĩ	Chính trị học và Quan hệ Quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
26	Hàn Lam Giang	Nữ		Thạc sĩ	Chính sách công		7310106	Kinh tế quốc tế
27	Hồ Thị Hồng Hạnh	Nữ		Thạc sĩ	Nghiên cứu Châu Âu		7310106	Kinh tế quốc tế
28	Hoàng Anh Tuấn	Nam	PGS	Tiến sĩ	Luật và Ngoại giao Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
29	Hoàng Thị Lan	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
30	Hoàng Thị Ngọc Anh	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế
31	Hoàng Thị Phương Mai	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế
32	Hoàng Thị Tuấn Oanh	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
33	Hoàng Tùng Lan	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
34	Khổng Thị Bình	Nam		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
35	Kiều Thị Thu Hương	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
36	Lại Anh Tú	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7340120	Kinh doanh quốc tế

37	Lại Thái Bình	Nam		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế Luật quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
38	Lâm Thanh Hà	Nữ		Thạc sĩ	Thương mại quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
39	Lê Đình Tĩnh	Nam		Tiến sĩ	Hành chính công Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
40	Lê Hùng Mạnh	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340120	Kinh doanh quốc tế
41	Lê Như Mai	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế Ngôn ngữ Anh		7310206	Quan hệ quốc tế
42	Lê Quang Hưng	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
43	Lê Thanh Bình	Nam	PGS	Tiến sĩ	Báo chí Truyền thông Truyền thông quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế
44	Lê Thanh Mai	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
45	Lê Thị Ngọc Hân	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị học Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
46	Lê Thị Thu Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Luật hợp tác kinh tế Quan hệ quốc tế		7380108	Luật quốc tế
47	Lê Thị Thùy Linh	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
48	Lê Trung Kiên	Nam		Thạc sĩ	Chính sách công		7340120	Kinh doanh quốc tế
49	Lê Tuấn Thanh	Nam		Tiến sĩ	Lịch sử Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
50	Lê Văn Khánh	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy TA cho người phi bản ngữ		7220201	Ngôn ngữ Anh
51	Lý Thị Hải Yến	Nữ		Tiến sĩ	Báo chí - Truyền thông Quan hệ quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế
52	Lý Vân Anh	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế
53	Mai Thị Hồng Tâm	Nữ		Tiến sĩ	Khoa học chính trị: Quan hệ quốc tế và Hành chính công		7310206	Quan hệ quốc tế
54	Ngô Diễm Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ, Biên - Phiên dịch		7220201	Ngôn ngữ Anh

55	Ngô Minh Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế Quan hệ quốc tế		7380108	Luật quốc tế
56	Ngô Thị Thu Hương	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340120	Kinh doanh quốc tế
57	Ngô Thị Trang	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế và Kinh tế quốc tế		7380108	Luật quốc tế
58	Ngô Tùng Lâm	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông và PR		7320107	Truyền thông quốc tế
59	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
60	Nguyễn Cẩm Thảo	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
61	Nguyễn Đình Sách	Nam		Thạc sĩ	Chính sách công		7340120	Kinh doanh quốc tế
62	Nguyễn Đỗ Ngân Giang	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ QHQT - Nghiên cứu Châu Âu		7220201	Ngôn ngữ Anh
63	Nguyễn Đồng Anh	Nam		Thạc sĩ	Quản trị Truyền thông Truyền thông quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế
64	Nguyễn Đức Chính	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công		7380108	Luật quốc tế
65	Nguyễn Hải Duyên	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế
66	Nguyễn Hải Yên	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
67	Nguyễn Hoàng Như Thanh	Nam		Tiến sĩ	Chính trị quốc tế Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
68	Nguyễn Hồng Ngự	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
69	Nguyễn Hồng Thao	Nam	PGS	Tiến sĩ	Luật quốc tế và tổ chức quốc tế		7380108	Luật quốc tế
70	Nguyễn Hùng Sơn	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế Quan hệ quốc tế Luật quốc tế		7340120	Kinh doanh quốc tế
71	Nguyễn Huy Dũng	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7220201	Ngôn ngữ Anh
72	Nguyễn Huyền Trang	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ công chúng và Quảng cáo (chuyên ngành Báo chí quốc tế)		7320107	Truyền thông quốc tế
73	Nguyễn Lê Ngọc Anh	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		

74	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
75	Nguyễn Minh Phương	Nữ		Thạc sĩ	Luật Ngoại giao Quan hệ quốc tế Truyền thông		7220201	Ngôn ngữ Anh
76	Nguyễn Minh Thu	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng Quan hệ quốc tế		7220201	Ngôn ngữ Anh
77	Nguyễn Minh Trang	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế Thương mại quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
78	Nguyễn Nam Dương	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế Chính trị học		7310206	Quan hệ quốc tế
79	Nguyễn Phú Tân Hương	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
80	Nguyễn Phương Ly	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị quốc tế và Châu Âu Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
81	Nguyễn Thái Học	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
82	Nguyễn Thái Yên Hương	Nữ	GS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế Lịch sử thế giới		7310206	Quan hệ quốc tế
83	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ		Tiến sĩ	Lịch sử QHQT và Chính sách đối ngoại		7310206	Quan hệ quốc tế
84	Nguyễn Thị Cát Ngọc	Nữ		Tiến sĩ	Nghiên cứu quốc tế Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
85	Nguyễn Thị Hà Lily	Nữ		Tiến sĩ	Giảng dạy tiếng Anh Giáo dục		7220201	Ngôn ngữ Anh
86	Nguyễn Thị Hải Yên	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
87	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Lịch sử Thế giới Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
88	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ		Tiến sĩ	Luật		7380108	Luật quốc tế
89	Nguyễn Thị Hồng Nam	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế Báo chí & Truyền thông quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế

90	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Luật quốc tế, thương mại và Châu Âu Luật		7380108	Luật quốc tế
91	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ		Thạc sĩ	Luật QT và Châu Âu, công pháp và tư pháp		7380108	Luật quốc tế
92	Nguyễn Thị Minh Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế		7340120	Kinh doanh quốc tế
93	Nguyễn Thị Thanh Hải	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
94	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
95	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7340120	Kinh doanh quốc tế
96	Nguyễn Thị Thanh Lam	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
97	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
98	Nguyễn Thị Thìn	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
99	Nguyễn Thị Thu Hoàn	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế (chuyên ngành KTQT) Quản lý Nhà nước (chuyên ngành Phát triển quốc tế)		7310106	Kinh tế quốc tế
100	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
101	Nguyễn Thị Toan	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh Quan hệ quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
102	Nguyễn Thị Xuân Thu	Nữ		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế Kinh tế		7340120	Kinh doanh quốc tế
103	Nguyễn Thùy Anh	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7340120	Kinh doanh quốc tế
104	Nguyễn Thùy Dương	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh Kinh tế quốc tế		7340120	Kinh doanh quốc tế
105	Nguyễn Thúy Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công		7310106	Kinh tế quốc tế
106	Nguyễn Thùy Linh	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng Quan hệ quốc tế		7220201	Ngôn ngữ Anh
107	Nguyễn Thùy Minh	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế Khoa học chính trị		7310206	Quan hệ quốc tế
108	Nguyễn Tiến Cường	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7340120	Kinh doanh quốc tế

109	Nguyễn Tiên Phong	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế học Kinh tế quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
110	Nguyễn Tiến Thịnh	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340120	Kinh doanh quốc tế
111	Nguyễn Tuấn Hiệp	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế và Hành chính công		7320107	Truyền thông quốc tế
112	Nguyễn Tuấn Việt	Nam		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế Giảng dạy tiếng Anh Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
113	Nguyễn Tuyết Thanh	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế
114	Nguyễn Văn Bình	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
115	Nguyễn Văn Lịch	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		7310106	Kinh tế quốc tế
116	Nguyễn Vinh Thành	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh Kinh doanh quốc tế		7340120	Kinh doanh quốc tế
117	Nguyễn Vũ Tùng	Nam	GS	Tiến sĩ	Luật và Ngoại giao Chính trị học Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
118	Phạm Duy Thực	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
119	Phạm Hải Liên	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học		7220201	Ngôn ngữ Anh
120	Phạm Lan Dung	Nữ		Tiến sĩ	Luật quốc tế Luật và Ngoại giao Quan hệ quốc tế		7380108	Luật quốc tế
121	Phạm Quang Vinh	Nam		Thạc sĩ	Báo chí		7320107	Truyền thông quốc tế
122	Phạm Thái Việt	Nam	PGS	Tiến sĩ	Triết học Văn hóa Truyền thông đại chúng		7320107	Truyền thông quốc tế
123	Phạm Thị Mai Anh	Nữ		Thạc sĩ	Chính sách công		7310106	Kinh tế quốc tế
124	Phạm Thị Quyên	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
125	Phan Thanh Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Văn học		7320107	Truyền thông quốc tế

126	Phan Thị Hoài Trang	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Quan hệ quốc tế	x		
127	Phan Vũ Tuấn Anh	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
128	Quách Quang Hồng	Nam		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
129	Quách Thị Huyền	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế
130	Tô Anh Tuấn	Nam		Tiến sĩ	Nhà nước và Chính trị Lịch sử Thế giới Hiện đại		7310206	Quan hệ quốc tế
131	Tô Minh Thu	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế Chính sách công quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
132	Tôn Sinh Thành	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị quốc tế Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
133	Trần Bảo Châu	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông chuyên nghiệp		7320107	Truyền thông quốc tế
134	Trần Hữu Duy Minh	Nam		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế
135	Trần Mạnh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340120	Kinh doanh quốc tế
136	Trần Minh Nguyệt	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
137	Trần Ngọc Ninh	Nữ		Thạc sĩ	Luật Quan hệ quốc tế Quan hệ quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế
138	Trần Quang Châu	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
139	Trần Thị Hương	Nữ		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế Truyền thông quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế
140	Trần Thị Khánh Trà	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
141	Trần Thị Linh Đa	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		7340120	Kinh doanh quốc tế
142	Trần Thị Thanh Liên	Nữ		Tiến sĩ	Châu Á - Thái Bình Dương Kinh tế phát triển Kinh tế quốc tế		7220201	Ngôn ngữ Anh

143	Trần Thị Vân Hải	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
144	Trần Thu Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông Marketing		7320107	Truyền thông quốc tế
145	Trần Trường Thủy	Nam		Tiến sĩ	Lịch sử Luật quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
146	Trần Việt Thái	Nam	PGS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế
147	Triệu Thị Huyền Trang	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông số và xuất bản		7320107	Truyền thông quốc tế
148	Trịnh Hải Yên	Nữ		Tiến sĩ	Luật và Ngoại giao Luật		7380108	Luật quốc tế
149	Trịnh Minh Phương	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh Ngôn ngữ ứng dụng Văn hóa		7340120	Kinh doanh quốc tế
150	Trịnh Thị Thu Huyền	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
151	Trương Thị Thu Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340120	Kinh doanh quốc tế
152	Võ Ngọc Diệp	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế
153	Vũ Quang Tiệp	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị		7310106	Kinh tế quốc tế
154	Vũ Thanh Huyền	Nữ		Thạc sĩ	Chính sách công Ngôn ngữ Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
155	Vũ Thị Thanh Tú	Nữ		Thạc sĩ	Luật Hợp tác kinh tế quốc tế		7340120	Kinh doanh quốc tế
156	Vũ Tuấn Anh	Nam		Tiến sĩ	Báo chí Truyền thông Truyền thông quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế
157	Vũ Vân Thu	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
158	Vương Thị Thanh Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị quốc tế Quan hệ quốc tế		7320107	Truyền thông quốc tế
159	Vương Toàn Thắng	Nam		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	x		
Tổng số GV toàn trường					159			

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng viên môn chung	Mã ngành	Tên ngành
1	Bùi Đăng Hiếu	Nam	PGS	Tiến sĩ	Luật		7380108	Luật quốc tế
2	Bùi Xuân Phái	Nam		Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử Nhà nước và PL		7380108	Luật quốc tế
3	Cao Thị Oanh	Nữ		Tiến sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế
4	Chu Tuấn Đức	Nam		Tiến sĩ	Luật		7380108	Luật quốc tế
5	Đào Ngọc Tuấn	Nam		Tiến sĩ	Triết học	x		
6	Đào Phương Thanh	Nữ		Thạc sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế
7	Đào Thị Minh Thảo	Nữ		Tiến sĩ	Triết học	x		
8	Đoàn Xuân Hội	Nam		Tiến sĩ	Luật		7380108	Luật quốc tế
9	Đỗ Anh Đức	Nam		Tiến sĩ	Truyền thông, Âm nhạc và Văn hóa		7320107	Truyền thông quốc tế
10	Đỗ Giang Nam	Nam		Tiến sĩ	Luật		7380108	Luật quốc tế
11	Đỗ Minh Phương	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học xã hội		7220201	Ngôn ngữ Anh
12	Đỗ Thị Dung	Nữ		Tiến sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế
13	Đỗ Thị Nhân Thiên	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế		7310106	Kinh tế quốc tế
14	Dương Tuyết Miên	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế
15	Dương Văn Quảng	Nam	PGS	Tiến sĩ	Văn học và Ngôn ngữ báo chí		7320107	Truyền thông quốc tế
16	Hà Thị Út	Nữ		Thạc sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế
17	Jeff Smith	Nam		Tiến sĩ			7220201	Ngôn ngữ Anh
18	Laspona Naomi Echavez	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục		7220201	Ngôn ngữ Anh
19	Lương Thị Thu Hương	Nữ		Tiến sĩ	Triết học	x		

20	Lưu Hải Yến	Nữ		Thạc sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế
21	Lưu Minh Đức	Nam		Tiến sĩ	Thương mại quốc tế		7310106	Kinh tế quốc tế
22	Lưu Tiến Dũng	Nam		Tiến sĩ	Luật sư		7380108	Luật quốc tế
23	Lý Tường Vân	Nữ		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới	x		
24	Ngô Duy Ngọc	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế		7310106	Kinh tế quốc tế
25	Nguyễn Minh	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		7320107	Truyền thông quốc tế
26	Nguyễn Minh Khuê	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Trung	x		
27	Nguyễn Ngọc Hà	Nam		Tiến sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế
28	Nguyễn Ngọc Oanh	Nam	PGS	Tiến sĩ	Truyền thông đại chúng		7320107	Truyền thông quốc tế
29	Nguyễn Như Thơ	Nữ		Thạc sĩ	Triết học	x		
30	Nguyễn Phạm Thế Lâm	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ		7220201	Ngôn ngữ Anh
31	Nguyễn Quý Trọng	Nam		Tiến sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế
32	Nguyễn Thái Trường	Nam		Thạc sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế
33	Nguyễn Thành Lợi	Nam	PGS	Tiến sĩ	Báo chí truyền thông		7320107	Truyền thông quốc tế
34	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		7220201	Ngôn ngữ Anh
35	Nguyễn Thị Như Trang	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Tâm lý học	x	7320107	Truyền thông quốc tế
36	Nguyễn Thị Thu	Nữ		Thạc sĩ	Báo chí học			
37	Nguyễn Thị Tình	Nữ		Tiến sĩ	Luật		7380108	Luật quốc tế
38	Nguyễn Thị Toan	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Triết học	x		
39	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử thế giới cận hiện đại	x		
40	Nguyễn Thị Yến	Nữ		Tiến sĩ	Luật		7380108	Luật quốc tế
41	Nguyễn Thiện Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh
42	Nguyễn Thu Trang	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế
43	Nguyễn Thùy Trang	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế		7310106	Kinh tế quốc tế
44	Nguyễn Toàn Thắng	Nam		Tiến sĩ	Luật		7380108	Luật quốc tế

45	Nguyễn Văn Hợi	Nam		Tiến sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế	
46	Nguyễn Văn Nguyên	Nam		Tiến sĩ	Chính trị học	x			
47	Phạm Hải Chung	Nữ		Tiến sĩ	Truyền thông		7320107	Truyền thông quốc tế	
48	Phạm Huy Cường	Nam		Tiến sĩ	Xã hội học	x			
49	Phạm Minh Trang	Nữ		Thạc sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế	
50	Phạm Thị Mai Duyên	Nữ		Thạc sĩ	Triết học	x			
51	Tăng Minh Thanh Thảo	Nữ		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế	
52	Trần Lê Duy	Nam		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế	
53	Trần Thị Điều	Nữ		Tiến sĩ	Triết học	x			
54	Trần Thị Hạnh	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Triết học	x			
55	Trương Quang Anh	Nam		Thạc sĩ	Luật quốc tế		7380108	Luật quốc tế	
56	Vũ Dương Huân	Nam	GS	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		7310206	Quan hệ quốc tế	
57	Vũ Hoàng Anh	Nam		Thạc sĩ	Luật học		7380108	Luật quốc tế	
58	Vũ Huyền Nga	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật công nghệ truyền thông		7320107	Truyền thông quốc tế	
59	Vũ Minh Tâm	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy Tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ Anh	
60	Vũ Thị Kim Hoa	Nữ		Tiến sĩ	Báo chí		7320107	Truyền thông quốc tế	
61	Vũ Thị Phương Mai	Nữ		Tiến sĩ	Triết học	x			
62	Vương Trọng Đức	Nam		Tiến sĩ	Mỹ thuật		7320107	Truyền thông quốc tế	
Tổng số GV thỉnh giảng toàn trường					62				

Bảng tóm tắt nội dung điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành, theo từng phương thức xét tuyển

(Kèm theo Đề án tuyển sinh của Học viện được điều chỉnh ngày 26/07/2021)

1. Điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành*

- Tổng chỉ tiêu điều chỉnh: 1550.

- Chỉ tiêu đối với từng ngành có điều chỉnh:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu ban đầu	Chỉ tiêu điều chỉnh
1	7310206	Quan hệ quốc tế	350	400
2	7310106	Kinh tế quốc tế	200	250
3	7380108	Luật quốc tế	175	200
4	7320107	Truyền thông quốc tế	350	400
5	7220201	Ngôn ngữ Anh	175	200

2. Điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng phương thức xét tuyển

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển thẳng theo Đề án riêng của Học viện (mục 7.2)		Xét tuyển Dựa trên kết quả học tập THPT và Chứng chỉ quốc tế (mục 7.3.1)		Xét tuyển Dựa trên kết quả học tập THPT (mục 7.3.2)	
			Chỉ tiêu ban đầu	Chỉ tiêu điều chỉnh	Chỉ tiêu ban đầu	Chỉ tiêu điều chỉnh	Chỉ tiêu ban đầu	Chỉ tiêu điều chỉnh
1	7310206	Quan hệ quốc tế	140	173	53	64	28	34
2	7310106	Kinh tế quốc tế	80	113	30	41	16	22
3	7380108	Luật quốc tế	70	86	26	32	14	17
4	7320107	Truyền thông quốc tế	140	173	53	64	28	34
5	7220201	Ngôn ngữ Anh	70	86	26	32	14	17

* Không điều chỉnh chỉ tiêu đối với ngành Kinh doanh quốc tế (100).